

Số: 2403 /BTC-NSNN
V/v hướng dẫn thực hiện Quyết
định số 62/2013/QĐ-TTg của
Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (sau đây gọi tắt là Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg) như sau:

1. Về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức hỗ trợ tối đa theo quy định; cụ thể như sau:

a) Về kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng:

Căn cứ để quyết định mức hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông; Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng mức hỗ trợ kinh phí mua tài liệu, tiền ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên (nếu có), chi phí tổ chức lớp học để tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật nông dân sản xuất theo hợp đồng cho doanh nghiệp (tối đa 50% kinh phí), cho tổ chức đại diện của nông dân (tối đa 100% kinh phí) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 và điểm đ, khoản 1 Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

Riêng đối với chi phí tổ chức tham quan: Tùy theo yêu cầu của khoá tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật có tổ chức tham quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong chương trình tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức đại diện của nông dân được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức tham quan cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng.

b) Về hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện bảo vệ thực vật chung cho các thành viên.

Căn cứ các quy trình canh tác cây trồng và chi phí về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy khi thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng mức hỗ trợ tổ chức đại diện của nông dân (tối đa 30% trong năm đầu và 20% năm thứ 2) để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

c) Về hỗ trợ kinh phí tập huấn cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất.

Căn cứ mức hỗ trợ kinh phí tập huấn cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất theo quy định tại Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 và Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã; Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng mức hỗ trợ tiền ăn, ở, mua tài liệu, học phí cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (hỗ trợ 1 lần tối đa 50% kinh phí) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

d) Về hỗ trợ nông dân chi phí mua giống cây trồng để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn và kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản.

Căn cứ chi phí giống của từng loại cây trồng, giá cho thuê kho tạm trữ nông sản trên địa bàn Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng mức hỗ trợ nông dân chi phí mua giống cây trồng (tối đa 30%), kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp (hỗ trợ 100%) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại điểm b, c, khoản 1, Điều 6 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

e) Riêng đối với việc quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, trường hợp giao doanh nghiệp tham gia liên kết trong cánh đồng lớn thực hiện, khi xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn doanh nghiệp phải lập phương án đề nghị hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Về hỗ trợ kinh phí:

a) Khi xây dựng dự án hoặc phương án cánh đồng lớn doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân lập phương án hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng; hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện bảo vệ thực vật chung cho các thành viên; hỗ trợ kinh phí tập huấn cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; kinh phí hỗ trợ nông dân mua giống cây trồng để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn theo quy định.

b) Trên cơ sở các chứng từ, bảng kê có ký nhận (đối với khoản chi hỗ trợ trực tiếp cho cá nhân) thực tế chi phí triển khai việc tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng, thực hiện bảo vệ thực vật chung cho các thành viên; chi phí hỗ trợ cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham dự tập huấn về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; lập quy hoạch; khối lượng đầu tư cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp; căn cứ vào Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn được phê duyệt, mức hỗ trợ theo quy định; trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân đủ điều kiện hưởng ưu đãi hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân gửi các cơ quan: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh. Căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân.

Đối với kinh phí hỗ trợ nông dân mua giống cây trồng để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn và kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản: căn cứ bản sao chứng từ, hóa đơn mua giống cây trồng, thuê kho của doanh nghiệp và biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản ký giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân (có xác nhận của Ủy ban Nhân dân cấp xã việc thực hiện hợp đồng của nông dân), Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp huyện tổng hợp báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ cho nông dân gửi các cơ quan: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước huyện (nơi thực hiện dự án cánh đồng lớn).

c) Căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và lịch cấp tiền hỗ trợ do Kho bạc Nhà nước huyện thông báo, hộ nông dân đến Kho bạc Nhà nước huyện để làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ.

3. Thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai

a) Nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất

- Việc miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo từng dự án đầu tư gắn với việc cho thuê đất mới.

- Miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện trực tiếp với đối tượng được Nhà nước cho thuê đất và tính trên số tiền thuê đất phải nộp.

- Doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn theo quy định.

- Doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân được miễn, giảm tiền thuê đất phải có phương án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Doanh nghiệp phải có hợp đồng trực tiếp hoặc liên kết với doanh nghiệp khác để cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, gắn với mua nông sản của hộ nông dân hoặc tổ chức đại diện của hộ nông dân trong dự án cánh đồng lớn.

- Tổ chức đại diện hộ nông dân phải có hợp đồng và thực hiện cung ứng đầu vào cho sản xuất hoặc tổ chức sản xuất hoặc tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn.

- Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đại diện hộ nông dân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Công văn này nhưng quá trình quản lý, sử dụng đất không đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất có nguyên nhân từ phía người thuê đất nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất đã được miễn, giảm và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Mức miễn tiền thuê đất

Việc ưu đãi về tiền thuê đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất đối với doanh nghiệp thuê đất thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa, nhà ở cho công nhân, nhà công vụ cho dự án cánh đồng lớn; tổ chức đại diện của nông dân thuê đất để thực hiện xây dựng cơ sở sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn.

- Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân thuê đất thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, cơ sở sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở cho công nhân, nhà công vụ phục vụ cho dự án cánh đồng lớn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

- Miễn tiền thuê đất mười một (11) năm đối với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân thuê đất thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, cơ sở sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Miễn tiền thuê đất mười lăm (15) năm đối với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân thuê đất thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, cơ sở sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

(Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư).

c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Điều 14, Điều 15 Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

4. Nguồn kinh phí

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, nguồn kinh phí để thực hiện các chính sách từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện các chương trình, dự án; nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác

5. Về lập dự toán, quản lý, quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán quản lý, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; ngoài ra, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung như sau:

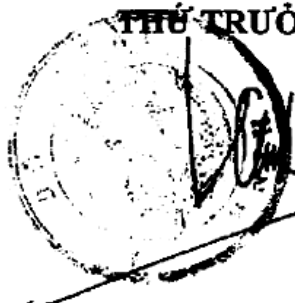
Hàng năm, căn cứ vào Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn được phê duyệt và kế hoạch triển khai Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Bộ KH&ĐT;
- Sở TC các tỉnh/thành phố;
- Vụ: TCNH, HCSN, PC;
- Cục: QLCS, TCDN, QLGSBH;
- Lưu: VT, Vụ NSNN (160)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu